TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-4-2023
V/v ly hôn giữa chị Đ và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN V, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện V, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-3-2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982;
ĐKHKTT tại: Thôn Đồng Lạc, xã HH, Hện V, tỉnh N.
Nơi ở hiện nay: Xóm Xuân, xã Trung Thành Huyện V, tỉnh N
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1975.
Cư trú tại: Thôn Đồng Lạc, xã HH, Huyện V, tỉnh N.
Tại phiên toà : Có mặt chị Đ và anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07-02-2023, bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, Hện V, tỉnh N ngày 09-9-2000. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận được 10 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ khi chị đi làm ăn xa để chăm lo kinh tế gia đình thì anh H ở nhà không chịu khó làm ăn mà chỉ tập trung chơi bời. Một mình chị chăm lo kinh tế, xây nhà, gửi tiền về để nuôi con ăn học; anh H không chia sẻ cùng chị bất kỳ công việc gì. Chị Đ nhận thấy cuộc sống chung của chị và anh H không còn hạnh

phúc, chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Từ thời điểm sống ly thân thì chị và anh H không liên lạc với nhau và không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau nữa.

Chị Đ xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên chị không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 09-6-2001. Hiện nay cháu Tuấn đã trưởng thành, lao động tự lập được nên chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, anh Nguyễn Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai anh H về thời gian và điều kiện vợ chồng kết hôn giống như lời khai của chị Đ. Theo anh H thì sau ngày kết hôn vợ chồng anh chị chung sống bình thường, chị Đ đi làm ăn xa, anh ở nhà cũng lao động và chăm sóc con. Anh và chị Đ chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2016 đến nay cũng do nguyên nhân chị Đ đi làm ăn xa. Bản thân anh H nhận thấy quan hệ vợ chồng rất bình thường, mặc dù mấy năm nay anh chị không liên lạc thường xuyên với nhau nhưng bản thân anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị Đ. Hiện nay chị Đ đã trở về nhưng không về nhà của vợ chồng mà sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ chị Đ ở xóm Xuân, xã Trung Thành, Hện V, tỉnh N. Anh H nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị Đ nên anh không đồng ý ly hôn với chị Đ. Anh có nguyện vọng đoàn tụ gia đình, anh mong chị Đ trở về vợ chồng làm lại từ đầu, lỗi của ai đến đâu thì sửa đến đó. Vì vậy, anh H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 09-6-2001. Hiện nay cháu Tuấn đã trưởng thành, lao động tự lập được nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị Đ không đề nghị giải quyết nên anh không có ý kiến gì.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24 tháng 3 năm 2023, địa phương cung cấp như sau: Anh Nguyễn Quang H hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại: Thôn Đồng Lạc, xã HH, Hện V, tỉnh N.

Tại phiên toà: Anh H có quan điểm nếu chị Đ cương quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Quang H.

+ Về con chung: Ccon chung của anh chị là cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 09-6-2001, hiện nay đã trưởng thành, lao động tự lập được nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Quang H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng Lạc, xã HH, Hện V, tỉnh N, do đó Tòa án nhân dân Hện V, tỉnh N đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Quang H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 09-9-2000 tại Ủy ban nhân dân xã HH, Hện V, tỉnh N. Như vậy, hôn nhân của chị Đ và anh H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Đ là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh H không cùng chị chăm lo kinh tế gia đình, một mình chị phải lao động kiếm tiền để chăm lo cho gia đình và nuôi con. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, đến năm 2013 chị và anh H sống ly thân. Theo anh H thì quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Đ vẫn bình thường; năm 2016 anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị Đ và anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và đã có thời gian dài sống ly thân. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên toà anh H cũng nhất trí ly hôn với chị Đ, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân gia đình giữa chị Đ và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các đương sự cùng nhất trí ly hôn do đó Hội đồng xét xử sẽ xử thuận tình ly hôn giữa chị Đ với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh Tuấn, sinh ngày 09-6-2001, hiện cháu Tuấn đã trưởng thành, lao động tự lập được do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị Đ và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Quang H.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện nộp 300.000 đồng. Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001601 ngày 13-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện V được đối trừ (Chị Đ đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Quang H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND Hện V;
- Chi cục THADS Hện V;
- UBND xã HH;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm